

Số: 385/QĐ-UBND

Hà Giang, ngày 22 tháng 3 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ trong Lĩnh vực đường bộ của Ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang

**CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ GIANG**

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015 (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019);

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ); Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính (đã được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ); Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về thực hiện TTHC trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ về hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ về Hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ;

Căn cứ Quyết định số 155/QĐ-SGTVT, ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế và bãi bỏ trong Lĩnh vực đường bộ của Ngành Giao thông vận tải áp dụng trên địa bàn tỉnh Hà Giang (có danh mục và nội dung thủ tục hành chính kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc Sở Giao thông vận tải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công

tỉnh; UBND các huyện, thành phố; UBND các xã, phường, thị trấn và các tổ chức cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch UBND tỉnh,
- Các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Lãnh đạo Văn phòng;
- Phòng KTTH - Văn phòng UBND tỉnh;
- Lưu: VT, PVHCC

**CHỦ TỊCH**



**Nguyễn Văn Sơn**



**Phần I.****DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, THAY THẾ VÀ BÃI BỎ LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ CỦA NGÀNH GIAO THÔNG VẬN TẢI ÁP DỤNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH HÀ GIANG***(Kèm theo Quyết định số 385 /QĐ-UBND ngày 22 tháng 3 năm 2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Hà Giang)***1. Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành**

STT	Mã số TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính
<b>A.</b>	<b>Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải</b>	
<b>I.</b>	<b>Lĩnh vực đường bộ</b>	
1	1.010707	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới
2	1.010708	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
3	1.010709	Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
4	1.010710	Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia
5	1.010711	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
6	1.010712	Ngừng hoạt động tuyến, ngừng hoạt động của phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
7	1.002046	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS
8	1.001577	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia
9	1.002286	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia

10	1.002268	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
11	1.002334	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
12	1.002325	Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc
13	1.002861	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
14	1.002859	Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào
15	1.001023	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia
16	1.002877	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia
17	1.002869	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

## 2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung

STT	Mã số TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung
<b>A. Danh mục thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải</b>			
<b>I. Lĩnh vực đường bộ</b>			
1	1.001737	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.
2	1.002063	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.
3	1.002357	Cấp lại Giấy phép vận tải	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày



		đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.
4	1.002856	Cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.
5	1.002852	Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới
6	2.001921	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý	Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.
7	2.001963	Chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải	Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;
8	2.001915	Gia hạn chấp thuận xây dựng công trình thiết	Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung



		<p>yếu, chấp thuận xây dựng cùng thời điểm với cấp giấy phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác thuộc phạm vi quản lý của Bộ Giao thông vận tải</p>	<p>một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ GTVT hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24/02/2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ.</p>
9	1.000583	<p>Gia hạn Chấp thuận thiết kế kỹ thuật và phương án tổ chức giao thông của nút giao đầu nối vào quốc lộ</p>	<p>- Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p>
10	1.001035	<p>Cấp phép thi công xây dựng biển quảng cáo tạm thời trong phạm vi hành lang an toàn đường bộ của quốc lộ đang khai thác, đối với đoạn, tuyến quốc lộ thuộc phạm vi được giao quản lý</p>	<p>- Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ; - Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p>
11	1.001046	<p>Chấp thuận thiết kế và phương án tổ chức giao thông nút giao đầu nối vào quốc lộ</p>	<p>- Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ</p>



			<p>quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p>
12	1.001061	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào quốc lộ	<p>- Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p>
13	1.001087	Cấp phép thi công công trình đường bộ trên quốc lộ đang khai thác	<p>- Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;</p>
14	2.001919	Cấp phép thi công xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ của quốc lộ, đường bộ cao tốc đang khai thác	<p>- Nghị định số 117/2021/NĐ-CP ngày 22/12/2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 11/2010/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2010 của Chính phủ quy định về quản lý và bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ;</p> <p>- Thông tư số 39/2021/TT-BGTVT</p>

		ngày 31/12/2021 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 50/2015/TT-BGTVT ngày 23/9/2015 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải;
--	--	---

### 3. Danh mục thủ tục hành chính được thay thế

STT	Mã số TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung thay thế	Lĩnh vực	Cơ quan thực hiện
	2.001034	Cấp Giấy phép loại A, E hoặc giấy phép loại B, C, F, G lần đầu trong năm (Mã TTHC: 2.001034)	Cấp Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới	Đường bộ	Sở GTVT
		Cấp Giấy phép loại B, C, F, G từ lần thứ 2 trở đi trong năm (Mã TTHC: 1.005035)				

### 4. Danh mục thủ tục hành chính được bãi bỏ

STT	Mã số TTHC gốc	Tên thủ tục hành chính được bãi bỏ	Tên VBQPPL quy định nội dung bãi bỏ
1	1.002426	Cấp Giấy phép vận tải cho xe công vụ	Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.



**Phần II.****NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**Đã được tái cấu trúc quy trình, kỹ thuật chuẩn hoá quy trình, biểu mẫu điện tử thủ tục hành chính cung cấp dịch vụ công trực tuyến**

<b>Mã thủ tục:</b> 1.010707				
<b>Tên thủ tục:</b> Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang khi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang.				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu (M1.010707)	Bản chính Văn bản giấy		01
02	Giấy phép liên vận ASEAN	Bản chính Văn bản giấy		01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định, Sở Giao thông vận tải thực hiện gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới. Trường hợp không gia hạn, Sở Giao thông vận tải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i> Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				

STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Gia hạn thời gian lưu hành cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới.	Bản chính Văn bản giấy		01
4	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.			
6	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.			
7	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.			
8	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.			
9	<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Quyết định số 155/QĐ-BGTVT, ngày 25/01/2022 của bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải			
10	<b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b> Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam			



**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc****Independence - Freedom - Happiness****GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN  
TẠI VIỆT NAM****REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN  
VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

To: Department of Transport of..... province

.....

1. Người xin gia hạn (*Applicant Name*): .....
2. Địa chỉ: (*Address*) .....
3. Số điện thoại: (*Telephone number*) ..... Số Fax/Địa chỉ email: (*Fax number/Email address*) .....
4. Đề nghị Sở Giao thông vận tải ..... gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of ..... to extend the operation period in Viet Nam for the following vehicle(s):*
  - Biển số xe (*Registration number*): .....
  - Giấy phép liên vận ASEAN số (*ASEAN Vehicle Cross-border Transport Permit number*) ....được cấp bởi (*issued by*) ..... vào ngày (*on the date of*) ..... (dd/mm/yyyy)
  - Ngày hết hạn của giấy phép (*Expiry date of transport permit*): ..... (dd/mm/yyyy)
5. Lý do xin gia hạn (*Reason for extension*):

.....  
 .....  
 (Mô tả lý do không thể về nước theo quy định (*describe the reason of inability to timely return to its Home country*))

6. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày ..... đến ngày .....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ..... day(s), from ..... (dd/mm/yyyy) until ..... (dd/mm/yyyy)

7. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các Hiệp định ASEAN (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of ASEAN Agreement*).

....., ngày ... tháng ... năm ....

*Place, ..... (dd/mm/yyyy)*

**Người xin gia hạn (Applicant name)**

*Ký, ghi rõ họ và tên (Signature & full name)*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền  
(Driver, vehicle owner or authorized person).*



<b>Mã thủ tục:</b> 1.010708				
<b>Tên thủ tục:</b> Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ đề nghị bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Hà Giang.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu.	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh	Bản sao	Bản chụp giấy tờ gốc dưới dạng PDF	01

	doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh			
03	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
04	Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia	Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm Bản chính Văn bản giấy đối chiếu	Bản sao chứng thực điện tử hoặc bản chụp giấy tờ gốc	01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua địa chỉ hòm thư điện tử đã đăng ký, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số	01



4	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
5	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.
6	<p><b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Không có.</p>
7	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.
8	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.
9	<p><b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b></p> <p>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.</p> <p>- Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải</p>
10	<p><b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b></p> <p>- Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia</p> <p>- Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia</p>





**Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa  
Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**VẬN TẢI**                              **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA  
VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

**1. Đặc điểm tuyến**

Tên Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: .....

Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: ..... km.

Lộ trình: .....

**2. Biểu đồ chạy xe**

Số chuyến tải (nốt) trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

b) Tại bến lượt về: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: ..... km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: ..... phút.

**3. Các điểm dừng nghỉ trên đường**

a) Lượt đi từ Bến xe: ..... đến Bến xe: .....

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất: .....

- Điểm dừng thứ hai: .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

b) Lướt về từ Bến xe đến Bến xe:

(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).

- Điểm dừng thứ nhất: .....

- Điểm dừng thứ hai: .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ ..... đến ..... phút/điểm.

#### 4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

#### 5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

- .....

- .....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- .....

#### 6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: .....



b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao: .....

### 7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: ..... đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): ..... đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe: .....

- Bán vé tại đại lý: ..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: .....

(địa chỉ trang web).

**Thủ trưởng đơn vị**

(Ký tên, đóng dấu)

<b>Mã thủ tục:</b> 1.010709				
<b>Tên thủ tục:</b> Ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
<p>Khi có nhu cầu ngừng khai thác tuyến, ngừng phương tiện hoạt động trên tuyến, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam và nộp lại thông báo khai thác tuyến, ký hiệu phân biệt quốc gia, giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác cho Sở Giao thông vận tải.</p>				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).</li> <li>- Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ (<a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ (<a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a>).</li> </ul>				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		<i>Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI</i>	<i>Gửi trực tuyến</i>	
01	Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu.	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
02	Thông báo khai thác tuyến	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng	01



			dấu, ký tên	
03	Ký hiệu phân biệt quốc gia	Bản chính Văn bản giấy		01
04	Giấy phép liên vận của các phương tiện ngừng khai thác	Bản chính Văn bản giấy		01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua địa chỉ hòm thư điện tử đã đăng ký, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Thông báo ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số	01
4	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.			
6	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.			
7	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.			
8	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.			

9	<p><b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b></p> <p>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.</p> <p>- Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải</p>
10	<p><b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b> Mẫu Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia</p>



Mẫu Giấy đề nghị ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
NGỪNG KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT  
NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam.

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... số Fax: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam, Lào và Campuchia do Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ..... Ngày cấp: .....
5. Kể từ ngày ...../...../....., .....(đơn vị kinh doanh vận tải) sẽ ngừng khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.
6. Tên tuyến đề nghị ngừng khai thác: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:...

**Đơn vị kinh doanh vận tải**

(Ký đóng dấu)

<b>Mã thủ tục:</b> 1.010710				
<b>Tên thủ tục:</b> Điều chỉnh tần suất chạy xe trên tuyến Việt Nam, Lào và Campuchia				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
Trước khi điều chỉnh tần suất chạy trên tuyến ít nhất 10 ngày, đơn vị kinh doanh vận tải phải thông báo bằng văn bản cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công, bến xe đầu tuyến phía Việt Nam				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số				



519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua địa chỉ hòm thư điện tử đã đăng ký, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<b>Kết quả giải quyết:</b>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Thông báo tăng/giảm tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia.	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số	01
4	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.			
6	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.			
7	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.			
8	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.			
9	<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải			
10	<b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b> Mẫu Giấy đề nghị điều chỉnh tần suất chạy xe tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia			





<b>Mã thủ tục:</b> 1.010711				
<b>Tên thủ tục:</b> Cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
Các cơ quan, tổ chức, cá nhân đóng trên địa bàn địa phương nộp hồ sơ về Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công để cấp giấy phép liên vận cho phương tiện phi thương mại.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của tổ chức, cá nhân phải xuất	Bản sao	Bản scan từ giấy tờ gốc dưới dạng PDF	01



	trình thêm bản sao hợp đồng thuê phương tiện			
03	Quyết định cử đi công tác của cơ quan có thẩm quyền đối với xe công vụ	Bản sao	Bản scan từ giấy tờ gốc dưới dạng PDF	01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 159, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua địa chỉ hòm thư điện tử đã đăng ký, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia.	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số	01
<b>4</b>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
<b>5</b>	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.			
<b>6</b>	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.			
<b>7</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.			
<b>8</b>	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.			
<b>9</b>	<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua			



	<p><i>biên giới.</i></p> <p><i>- Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải</i></p>
<b>10</b>	<p><b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b></p> <p>Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện phi thương mại</p>

**Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho  
phương tiện phi thương mại**

**TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ  
CẤP LẠI GIẤY PHÉP LIÊN VẬN GIỮA VIỆT NAM VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: .....

1. Tên tổ chức/cá nhân: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia (đối với đơn vị kinh doanh vận tải) do ..... cấp số:..... ngày cấp: .....
5. Đề nghị ..... cấp Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10
1									
2									
3									

....., ngày ... tháng ... năm ...

**Tổ chức/Cá nhân**  
(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



<b>Mã thủ tục:</b> 1.010712				
<b>Tên thủ tục:</b> Ngừng hoạt động tuyến, ngừng hoạt động của phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
Đơn vị kinh doanh vận tải gửi thông báo đến:				
- Sở Giao thông vận tải đối với các tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa khu vực biên giới của hai nước.				
- Bến xe đầu tuyến phía Việt Nam.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Thông báo ngừng hoạt động tuyến, ngừng hoạt động của phương tiện khai thác tuyến.	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				

Qua địa chỉ hòm thư điện tử đã đăng ký, Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ (<http://qlvtquocte.mt.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ (<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>).

*Kết quả giải quyết:*

STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Ngừng hoạt động tuyến, ngừng hoạt động của phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc			
4	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.			
6	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.			
7	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.			
8	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.			
9	<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải			



<b>Mã thủ tục:</b> 1.002046				
<b>Tên thủ tục:</b> Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công khi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i> - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy		01
02	Giấy phép liên vận GMS hoặc sổ TAD	Bản chính Văn bản giấy		01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i> Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	

01	Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam	Bản chính Văn bản giấy	01
<b>4</b>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
<b>5</b>	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.		
<b>6</b>	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.		
<b>7</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.		
<b>8</b>	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.		
<b>9</b>	<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải		
<b>10</b>	<b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b> Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam		





Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM**  
**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....  
 To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): .....
2. Địa chỉ (Address): .....
3. Số điện thoại (Telephone number): ..... số Fax (Fax number) .....
4. Địa chỉ Email (Email address): .....
5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ..... được cấp bởi (issued by) ..... vào ngày (on the date of) .....
6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport pennit): .....
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)....
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày ..... đến ngày .....  
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ..... until .....
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
  - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
  - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm ...  
 Place, ..... (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn**  
**(Applicant Name)**  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)  
 (Signature and full name)



<b>Mã thủ tục:</b> 1.001737				
<b>Tên thủ tục:</b> Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc.				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1 Nộp hồ sơ TTHC:</b>				
Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i> - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy		01
02	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc	Bản chính Văn bản giấy		01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2 Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>				
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i> Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Gia hạn thời gian lưu hành của	Bản chính Văn		01

	phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	bản giấy		
<b>4</b>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
<b>5</b>	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.			
<b>6</b>	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.			
<b>7</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.			
<b>8</b>	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.			
<b>9</b>	<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải			
<b>10</b>	<b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b> Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam			



**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Independence-Freedom-Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM  
REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....  
To: Department of Transport of.....province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): .....
2. Địa chỉ (Address): .....
3. Số điện thoại (Telephone number): ..... số Fax (Fax number).....
4. Địa chỉ Email (Email address): .....
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class....): ..... được cấp bởi (issued by) ..... vào ngày (on the date of) .....
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit): .....
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày ..... đến ngày .....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ..... until .....

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

..., ngày ... tháng... năm...

Place, ..... (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn**

(Applicant Name)

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

<b>Mã thủ tục:</b> 1.001577				
<b>Tên thủ tục:</b> Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia.				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1 Nộp hồ sơ TTHC:</b>				
Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công khi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy		01
02	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	Bản chính Văn bản giấy		01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2 Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>				
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i> Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	Bản chính Văn bản giấy		01



4	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
5	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.
6	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.
7	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.
8	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.
9	<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải
10	<b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b> Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam.

**Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam**  
**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Independence - Freedom - Happiness**

---

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM**  
**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....  
 To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): .....
2. Địa chỉ (Address): .....
3. Số điện thoại (Telephone number): ..... số Fax (Fax number) .....
4. Địa chỉ Email (Email address): .....
5. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia số (Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ..... được cấp bởi (issued by) ..... vào ngày (on the date of) .....
6. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport pennit): .....
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)....
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày ..... đến ngày .....

Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ..... until .....

9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Campuchia (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and Cambodia on cross-border transport*).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place, ..... (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn**  
**(Applicant Name)**

(Ký, ghi rõ họ và tên)  
 (Signature and full name)



<b>Mã thủ tục:</b> 1.002286				
<b>Tên thủ tục:</b> Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công khi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
- Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy		01
02	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Bản chính Văn bản giấy		01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				
Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	

01	Gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	Bản chính Văn bản giấy	01
4	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
5	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.		
6	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.		
7	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.		
8	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.		
9	<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải		
10	<b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b> Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam		



Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Independence - Freedom - Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM**

**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

To: Department of Transport of.....

1. Người xin gia hạn (Applicant Name): .....
  2. Địa chỉ (Address): .....
  3. Số điện thoại (Telephone number): ..... số Fax (Fax number) .....
  4. Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia số (Laos - Cambodia - Viet Nam vehicle cross-border transport permit No.): ..... được cấp bởi (issued by) ..... vào ngày (on the date of) .....
  5. Ngày hết hạn của Giấy phép liên vận (Expiry date of transport permit):....
  6. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country) .....
  7. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày ..... đến ngày .....
- Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ..... until .....
8. Chúng tôi xin cam kết (We commit):
    - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents).
    - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam, Lào và Campuchia (To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties among Viet Nam, Laos and Cambodia on cross-border transport).

....., ngày ... tháng ... năm ...

Place,.. (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn**

**(Applicant Name)**

(Ký, ghi rõ họ và tên)

(Signature and full name)

<b>Mã thủ tục:</b> 1.002268				
<b>Tên thủ tục:</b> Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
Đơn vị kinh doanh vận tải nộp hồ sơ Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải	Bản sao	Bản scan giấy tờ gốc dưới dạng PDF	01



	xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh			
03	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	
04	Hợp đồng đối tác giữa đơn vị kinh doanh vận tải Việt Nam với đối tác của Lào và/hoặc Campuchia	Bản sao chứng thực hoặc bản sao kèm Bản chính Văn bản giấy đối chiếu	Bản sao được chứng thực điện tử hoặc bản chụp giấy tờ gốc	01

Số lượng hồ sơ: 01 bộ.

### 3.2 Giải quyết hồ sơ TTHC:

Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.

*Cách thức thực hiện:* Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.

*Địa điểm trả kết quả:*

- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).

- Qua hòm thư điện tử đã đăng ký trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ (<http://qlvtquocte.mt.gov.vn>) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ (<http://dichvucong.hagiang.gov.vn>).

*Kết quả giải quyết:*

STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số	01
4	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.			

6	<p><b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b></p> <p>a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;</p> <p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Không có.</p>
7	<p><b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.</p>
8	<p><b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.</p>
9	<p><b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b></p> <p>- <i>Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.</i></p> <p>- <i>Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải</i></p>
10	<p><b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b></p> <p>Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia</p>



**Mẫu Giấy đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành  
khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH  
VẬN TẢI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày ... tháng ... năm ...

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC TUYẾN, BỔ SUNG, THAY THẾ PHƯƠNG TIỆN  
VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải .....

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... số Fax: .....
4. Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia như sau:  
 Tỉnh/thành phố đi: ..... Tỉnh/thành phố đến: ...  
 Bến đi: ..... Bến đến: .....  
 Cự ly vận chuyển: ..... km  
 Hành trình chạy xe: .....
5. Danh sách xe khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia

STT	Biên kiểm soát	Tên chủ sở hữu	Mác xe	Trọng tải	Năm sản xuất

6. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách cố định;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định, ghi trong Bản ghi nhớ giữa Chính phủ các nước Vương quốc Campuchia, Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào và Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về vận tải đường bộ.

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và  
Campuchia

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH  
VẬN TẢI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH CỐ ĐỊNH GIỮA  
VIỆT NAM, LÀO VÀ CAMPUCHIA

**1. Đặc điểm tuyến**

Tên Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: .....

Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: ..... km.

Lộ trình: .....

**2. Biểu đồ chạy xe**

Số chuyến tài (nốt) trong .... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

b) Tại bến lượt về: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ.

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ.

+ .....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe .... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: ..... km/giờ.

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: ..... phút.

**3. Các điểm dừng nghỉ trên đường**

a) Lượt đi từ Bến xe: ..... đến Bến xe: .....

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất: .....



- Điểm dừng thứ hai: .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

b) Lượt về từ Bên xe đến Bên xe:

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất: .....

- Điểm dừng thứ hai: .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ ..... đến ..... phút/điểm.

#### 4. Phương tiện bố trí trên tuyến

STT	Biển số xe	Trọng tải (Ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

#### 5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển.

- Có đủ điều kiện về sức khỏe, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ.

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị.

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên.

- .....

- .....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- .....

#### 6. Các dịch vụ khác

a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: .....

b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao: .....

#### 7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: ..... đồng/hành khách.

- Giá vé chặng (nếu có): ..... đồng/hành khách.

Giá vé	đồng/hành khách
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe: .....

- Bán vé tại đại lý: ..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).

- Bán vé qua mạng: .....

(địa chỉ trang web).

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên, đóng dấu)



<b>Mã thủ tục:</b> 1.002063				
<b>Tên thủ tục:</b> Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1 Nộp hồ sơ TTHC:</b>				
Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải qua Trung tâm Phục vụ hành chính công khi phương tiện gặp sự cố bất khả kháng				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i> - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị gia hạn theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy		01
02	Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	Bản chính Văn bản giấy		01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2 Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>				
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i> - Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện	Bản chính Văn bản giấy		01

	của Lào		
4	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ		
5	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.		
6	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.		
7	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.		
8	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.		
9	<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới. - Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải		
	<b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b>		
10	Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam		



Mẫu Giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**Independence-Freedom-Happiness**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ GIA HẠN THỜI GIAN LƯU HÀNH CỦA PHƯƠNG TIỆN TẠI VIỆT NAM**  
**REQUEST FOR EXTENSION OF VEHICLE OPERATION PERIOD IN VIET NAM**

Kính gửi: Sở Giao thông vận tải.....  
 To: Department of Transport of.....province

1. Người xin gia hạn (Applicant Name):.....  
 .....
2. Địa chỉ (Address):.....
3. Số điện thoại (Telephone number): .....số Fax (Fax number).....
4. Địa chỉ Email (Email address):.....
5. Giấy phép vận tải loại (Transport permit class...): ..... được cấp bởi (issued by) ..... vào ngày (on the date of) .....
6. Ngày hết hạn của Giấy phép vận tải (Expiry date of transport permit): .....
7. Lý do xin gia hạn: (mô tả lý do không thể về nước theo quy định) (Reason for extension: describe the reason of inability to timely return to its Home Country)...
8. Đề nghị gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam trong thời gian ..... ngày, từ ngày .....đến ngày .....  
 Request for extension of vehicle operation period in Viet Nam in ...day(s), from ..... until .....
9. Chúng tôi xin cam kết (*We commit*):
  - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung giấy đề nghị gia hạn thời gian lưu hành của phương tiện tại Việt Nam và các văn bản kèm theo (*To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the request for extension of vehicle operation period in Viet Nam and the attached documents*).
  - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc (*To comply strictly with all provisions of Viet Nam's Laws as well as the provisions of international treaties between Viet Nam and China on cross-border transport*).

..., ngày ... tháng... năm...  
 Place,..... (dd/mm/yyyy)

**Người xin gia hạn**  
 (Applicant Name)  
 (Ký, ghi rõ họ và tên)  
 (Signature and full name)

<b>Mã thủ tục:</b> 1.002357				
<b>Tên thủ tục:</b> Cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G cho phương tiện của Việt Nam				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1 Nộp hồ sơ TTHC:</b>				
Tổ chức, cá nhân, đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho Sở Giao thông vận tải đối với đề nghị cấp: Giấy phép vận tải loại A, B, C; Giấy phép vận tải loại F, G lần thứ hai trong năm.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i> Trường hợp cấp lại giấy phép vận tải loại A, B, C lần đầu trong năm.				
- Đối với phương tiện thương mại:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị cấp, cấp lại giấy phép theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện	Bản sao	Bản chụp giấy tờ gốc dưới dạng PDF	01



	không thuộc quyền sở hữu của đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh			
- Đối với xe công vụ gồm:				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị cấp lại giấy phép theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô	Bản sao	Bản chụp giấy tờ gốc dưới dạng PDF	01
03	Thư mời của đối tác phía Trung Quốc nêu rõ tuyến đường, cửa khẩu và thời gian mời (trường hợp bản gốc không có tiếng Việt hoặc tiếng Anh thì phải kèm theo bản dịch tiếng Việt hoặc tiếng Anh)	Bản sao	Bản chụp giấy tờ gốc dưới dạng PDF	01
04	Quyết định cử đi công tác của cấp có thẩm quyền	Bản sao	Bản chụp giấy tờ gốc dưới dạng PDF	01
Trường hợp cấp lại giấy phép vận tải loại F, G lần thứ hai trở đi trong năm				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	

01	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô	Xuất trình Bản chính Văn bản giấy		01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua Bộ phận cấp phép Vận tải quốc tế thuộc sở Giao thông vận tải khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc loại A, B, C, E, F, G	Bản chính Văn bản giấy		01
<b>4</b>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
<b>5</b>	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.			
<b>6</b>	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b> a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải; b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có; c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải; d) Cơ quan phối hợp: Không có.			
<b>7</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.			
<b>8</b>	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.			
<b>9</b>	<b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b> - Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định			



	<p>về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.</p> <p>- Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải</p>
10	<p><b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b></p> <p>- Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với phương tiện thương mại)</p> <p>- Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với xe công vụ).</p>

Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Trung Quốc (đối với phương tiện thương mại)

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**VẬN TẢI ĐỀ NGHỊ CẤP**                      **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**GIẤY PHÉP**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
  2. Địa chỉ: .....
  3. Số điện thoại: ..... Số Fax/Địa chỉ email: .....
  4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số ..... Ngày cấp .....
- Nơi cấp:

5. Đơn vị xin cấp phép cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

(Nếu có nhiều phương tiện thì lập bảng kê kèm theo đơn)

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời hạn đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (định kỳ, không định kỳ, vận tải hàng hóa)	Tuyến hoạt động	Điểm dừng nghỉ trên đường
1								
2								
3								
4								

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên: ..... Điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:...

..., ngày... tháng... năm ...  
**Đơn vị kinh doanh vận tải**  
*(Ký tên, đóng dấu)*



Mẫu Giấy đề nghị cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và  
**Trung Quốc (đối với xe công vụ)**  
**TÊN CƠ QUAN, ĐƠN VỊ ĐỀ NGHỊ** **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**GIẤY ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP LẠI GIẤY PHÉP VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ GIỮA VIỆT NAM VÀ**  
**TRUNG QUỐC**

Kính gửi: .....

1. Tên cơ quan, đơn vị: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: ..... số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Mục đích xin cấp phép cho phương tiện: .....
5. Đơn vị xin cấp phép cho phương tiện theo danh sách dưới đây:

TT	Biển số xe	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Trọng tải (số ghế, tấn)	Thời gian đề nghị cấp phép	Cửa khẩu xuất - nhập	Tuyến đường
1							
2							
3							
...							

6. Người liên hệ để trả kết quả cấp phép: Họ tên: ..... Số điện thoại: .....

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu:...

..., ngày... tháng... năm ...

**Thủ trưởng cơ quan, đơn vị**  
*(Ký tên, đóng dấu)*

<b>Mã thủ tục:</b> 1.002334				
<b>Tên thủ tục:</b> Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:				
Sở Giao thông vận tải đối với các tuyến giữa khu vực biên giới của hai nước.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của	Bản sao	Bản chụp giấy tờ gốc dưới dạng pdf	01



	đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh			
03	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua hòm thư điện tử đã đăng ký trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Văn bản thông báo khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số	01
<b>4</b>	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
<b>5</b>	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.			
<b>6</b>	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b>			
	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;			

	<p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Không có.</p>
<b>7</b>	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.
<b>8</b>	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.
<b>9</b>	<p><b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b></p> <p>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.</p> <p>- Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải</p>
<b>10</b>	<p><b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b></p> <p>- Mẫu Giấy đề nghị đăng ký phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc</p> <p>- Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.</p>



**Mẫu Giấy đề nghị đăng ký phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI      CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../....

....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ ĐĂNG KÝ PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI  
HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải: .....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: .....số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: .....ngày.../.../... cơ quan cấp .....
5. Đăng ký phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc như sau:

Tỉnh/thành phố đi: ..... Tỉnh/thành phố đến: .....

Bến đi: ..... Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình chạy xe: .....

Điểm dừng đỗ trên đường: .....

6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;

b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

**Đơn vị kinh doanh vận tải**

*(Ký tên, đóng dấu)*

Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và  
Trung Quốc

TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
VẬN TẢI Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

**PHƯƠNG ÁN KHAI THÁC TUYẾN VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA  
VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

**1. Đặc điểm tuyến:**

Tên Tuyến: ..... đi ..... và ngược lại.

Bến đi: .....

Bến đến: .....

Cự ly vận chuyển: ..... km.

Lộ trình: .....

**2. Biểu đồ chạy xe:**

Số chuyến tài (nốt) trong ..... ngày/tuần/tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ

+ .....

b) Tại bến lượt về: bến xe: .....

Hàng ngày có ..... nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc ..... giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc ..... giờ

+ ....

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe ... giờ.

d) Tốc độ lữ hành: ..... km/giờ

đ) Thời gian dừng nghỉ dọc đường: ..... phút

**3. Các trạm dừng nghỉ trên đường:**

a) Lượt đi từ Bến xe: ..... đến Bến xe: .....

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc*



*các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất .....

- Điểm dừng thứ hai .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

b) Lướt về từ Bên xe: ..... đến Bên xe: .....

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất .....

- Điểm dừng thứ hai .....

- Điểm dừng thứ ba: .....

c) Thời gian dừng, nghỉ từ ..... đến ..... phút/điểm

#### 4. Phương tiện bố trí trên tuyến

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

#### 5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe

a) Số lượng:

b) Điều kiện của lái xe:

- Có giấy phép lái xe phù hợp với xe điều khiển

- Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị

- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

- .....

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

- Có đủ điều kiện về sức khoẻ

- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị

- Nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

- .....

#### 6. Các dịch vụ khác

- a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến: .....
- b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao: .....

### 7. Giá vé

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến: ..... đồng/hành khách
- Giá vé chặng (nếu có): ..... đồng/hành khách

<b>Giá vé</b>	<b>đồng/hành khách</b>
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/hành khách
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/hành khách
- Phục vụ khác: khăn, nước ...	đồng/hành khách

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm hành khách, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe: .....
- Bán vé tại đại lý: ..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng: ..... (địa chỉ trang Web)

**Xác nhận của Sở GTVT**

**Đơn vị kinh doanh vận tải**  
(Ký tên, đóng dấu)



<b>Mã thủ tục:</b> 1.002325				
<b>Tên thủ tục:</b> Bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc				
<b>1. Cấp thực hiện:</b> Cấp tỉnh.				
<b>2. Lĩnh vực:</b> Đường bộ.				
<b>3. Trình tự thực hiện:</b>				
<b>3.1</b>	<b>Nộp hồ sơ TTHC:</b>			
Đơn vị kinh doanh vận tải nộp 01 bộ hồ sơ cho cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép:				
Sở Giao thông vận tải đối với các tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa khu vực biên giới của hai nước.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm gửi hồ sơ:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Thành phần hồ sơ:</i>				
STT	Tên thành phần hồ sơ	Tiêu chuẩn hồ sơ		Số lượng
		Gửi trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Gửi trực tuyến	
01	Giấy đề nghị thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
02	Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô hoặc giấy hẹn nhận Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô của cơ quan cấp đăng ký hoặc bản sao từ sổ gốc của Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô. Trường hợp phương tiện không thuộc quyền sở hữu của	Bản sao	Bản chụp giấy tờ gốc dưới dạng PDF	01

	đơn vị kinh doanh vận tải phải xuất trình thêm bản sao một trong các giấy tờ sau: Hợp đồng thuê phương tiện bằng văn bản với tổ chức, cá nhân hoặc hợp đồng dịch vụ giữa thành viên và hợp tác xã hoặc hợp đồng hợp tác kinh doanh			
03	Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc theo mẫu	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số hoặc bản chụp văn bản giấy được đóng dấu, ký tên	01
Số lượng hồ sơ: 01 bộ.				
<b>3.2</b>	<b>Giải quyết hồ sơ TTHC:</b>			
Trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ theo quy định.				
<i>Cách thức thực hiện:</i> Trực tiếp hoặc qua DVBCCI hoặc qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 4.				
<i>Địa điểm trả kết quả:</i>				
- Trực tiếp hoặc qua DVBCCI: tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 519, đường Nguyễn Trãi, TP Hà Giang, tỉnh Hà Giang).				
- Qua hòm thư điện tử đã đăng ký trên Hệ thống dịch vụ công trực tuyến của Bộ Giao thông vận tải địa chỉ ( <a href="http://qlvtquocte.mt.gov.vn">http://qlvtquocte.mt.gov.vn</a> ) hoặc Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh địa chỉ ( <a href="http://dichvucong.hagiang.gov.vn">http://dichvucong.hagiang.gov.vn</a> ).				
<i>Kết quả giải quyết:</i>				
STT	Tên kết quả TTHC	Tiêu chuẩn kết quả TTHC		Số lượng
		Trả trực tiếp hoặc qua DVBCCI	Trả trực tuyến	
01	Thông báo bổ sung, thay thế khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	Bản chính Văn bản giấy	Văn bản điện tử được ký số	01
4	<b>Thời hạn giải quyết:</b> 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ			
5	<b>Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:</b> Cá nhân, tổ chức.			
6	<b>Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:</b>			
	a) Cơ quan có thẩm quyền quyết định: Sở Giao thông vận tải;			



	<p>b) Cơ quan hoặc người có thẩm quyền được uỷ quyền hoặc phân cấp thực hiện: Không có;</p> <p>c) Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Giao thông vận tải;</p> <p>d) Cơ quan phối hợp: Không có.</p>
7	<b>Phí, lệ phí (nếu có):</b> Không có.
8	<b>Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):</b> Không có.
9	<p><b>Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:</b></p> <p>- Nghị định số 119/2021/NĐ-CP ngày 24/12/2021 của Chính phủ quy định về trình tự, thủ tục cấp, cấp lại, thu hồi giấy phép vận tải đường bộ qua biên giới.</p> <p>- Quyết định số 155/QĐ-BGTVT ngày 25/01/2022 của Bộ Giao thông vận tải Về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Giao thông vận tải</p>
10	<p><b>Mẫu thành phần hồ sơ:</b></p> <p>- Mẫu Giấy đề nghị thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc</p> <p>- Mẫu Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc.</p>

**Mẫu Giấy đề nghị thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc**

**TÊN ĐƠN VỊ KINH DOANH VẬN TẢI**      **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../...

....., ngày... tháng... năm...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ THAY THẾ/BỔ SUNG PHƯƠNG TIỆN KHAI THÁC TUYẾN  
 VẬN TẢI HÀNH KHÁCH ĐỊNH KỲ GIỮA VIỆT NAM VÀ TRUNG QUỐC**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị kinh doanh vận tải:.....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: .....số Fax/Địa chỉ email: .....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: .....ngày.../.../. cơ quan cấp .....
5. Thay thế/bổ sung phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc như sau:  
 Tỉnh/thành phố đi: .....Tỉnh/thành phố đến: .....  
 Bến đi: .....Bến đến: .....  
 cự ly vận chuyển: .....km  
 Hành trình chạy xe: .....
- Điểm dừng đỗ trên đường: .....
6. Danh sách xe:

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
...						

7. Phương án khai thác tuyến (kèm theo).

8. Đơn vị kinh doanh vận tải cam kết:

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong các điều ước quốc tế về vận tải qua biên giới giữa Việt Nam và Trung Quốc.

**Đơn vị kinh doanh vận tải**  
*(Ký tên, đóng dấu)*